ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 253 /KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 25 tháng 9 năm 2025*

KẾ HOẠCH

Phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026 và Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2026-2028 lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp

Thực hiện Công văn số 3798/BGDĐT-KHTC ngày 08/7/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (KTXH) và dự toán ngân sách Nhà nước (NSNN) năm 2026, Kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2026-2028 thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo (GDĐT) và giáo dục nghề nghiệp (GDNN). Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lạng Sơn xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH và dự toán NSNN năm 2026, Kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2026-2028 thuộc lĩnh vực GDĐT và GDNN như sau:

A. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2026 THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2025 THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC

1. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 thuộc lĩnh vực giáo dục

Năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tăng tốc, bứt phá, về đích, tập trung hoàn thành thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm kỳ 2020 - 2025, chuẩn bị các điều kiện tiến tới Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII; là năm triển khai nhiều chủ trương lớn, đột phá chiến lược của Trung ương; tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh, qua đó tạo động lực mới, xung lực mới phát triển KTXH của cả nước nói chung và tỉnh Lạng Sơn nói riêng. Bước vào năm 2025, bối cảnh thế giới rất phức tạp, liên tục xuất hiện nhiều diễn biến mới như chính sách thuế quan của Mỹ đối với các nước, xung đột quân sự tại các quốc gia, vùng lãnh thổ,... Trong nước với sự chỉ đạo sát sao của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và sự điều hành chủ động, linh hoạt của Chính phủ, nền kinh tế của Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực, tạo niềm tin, động lực cho các địa phương phấn đấu. Trong tỉnh, các cấp, các ngành đã nỗ lực tập trung hoàn thành khối lượng lớn công việc; bảo đảm tiến độ sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính; giải quyết từng bước các khó khăn, hạn chế, bất cập, chủ động nghiên cứu, triển khai toàn diện, đồng bộ nhiều phương án, giải pháp ứng phó với những khó khăn, thách thức.

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung thực hiện nhiệm vụ, phân công cụ thể, bảo đảm 6 rõ: "rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả" để triển khai nhanh chóng, đồng bộ, hiệu quả, có

trọng tâm, trọng điểm các văn bản chỉ đạo, điều hành của trung ương, của tỉnh ngay khi được ban hành; theo dõi sát, nắm chắc tình hình, sẵn sàng nhiều phương án, kịch bản, phản ứng kịp thời, linh hoạt trước các vấn đề phức tạp.

UBND tỉnh đã ban hành quyết định về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH và dự toán NSNN; phê duyệt nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 của các sở, ban, ngành. Kịp thời tham mưu, trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và HĐND tỉnh điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2025 từ 8% trở lên theo chỉ đạo của Trung ương; ban hành Kế hoạch thực hiện kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2025. Tập trung triển khai cụ thể hóa 04 Nghị quyết đột phá được Bộ Chính trị xác định là "Bộ tứ trụ cột" đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới[1]. Chuẩn bị tốt nội dung trình các kỳ họp chuyên đề và kỳ họp giữa năm HĐND tỉnh.

Chỉ đạo tập trung, khẩn trương, quyết liệt thực hiện đề án, phương án sắp xếp tinh gọn tổ chức, bộ máy các cơ quan, đơn vị theo chỉ đạo của Trung ương bảo đảm các cơ quan sau sắp xếp đi vào hoạt động ngay không gián đoạn; ban hành các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với 11/11 cơ quan, đơn vị sau sắp xếp. Triển khai quyết liệt chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính và thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Lạng Sơn nằm trong nhóm 10 tỉnh hoàn thành sớm và có chất lượng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã được Trung ương đánh giá cao.

Chỉ đạo phát triển toàn diện các ngành, lĩnh vực, tạo thuận lợi cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu được phát triển. Thành lập 05 Ban Chỉ đạo và 06 Tổ công tác do lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp đứng đầu[2]; tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của các Ban Chỉ đạo, Tổ công tác trên địa bàn tỉnh. Tăng cường các hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư, thương mại, du lịch; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Chỉ đạo điều chỉnh, thu hồi kinh phí năm 2025 đối với các cơ quan thuộc diện sắp xếp; cân đối ngân sách đảm bảo kinh phí thực hiện Đại hội Đảng các cấp, thực hiện tinh giản biên chế, xoá nhà tạm, nhà dột nát. Chỉ đạo tạm dừng triển khai các công trình, dự án đầu tư xây dựng mới, sửa chữa trụ sở để thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Tập trung rà soát, xây dựng phương án chuyển tiếp đối với các dự án, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư, phương án sắp xếp, bố trí, xử lý trụ sở, tài sản công, hồ sơ và tài

[1] Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về "Hội nhập quốc tế trong tình hình mới"; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

[2] Ban Chỉ đạo, cơ chế điều hành và danh mục các dự án trọng điểm năm 2025; Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025; Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Lạng Sơn; Ban Chỉ đạo cấp tỉnh Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025; Ban Chỉ đạo tuyển sinh trung học phổ thông năm học 2025 - 2026; Tổ công tác về xử lý chuyển tiếp quản lý các chương trình, nhiệm vụ, dự án, kế hoạch đầu tư công trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp; Tổ công tác triển khai cao điểm đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; 04 Tổ công tác kiểm tra, chỉ đạo giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, xử lý đối với các dự án trên địa bàn tỉnh để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng.

liệu lưu trữ khi sắp xếp tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính đảm bảo sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí, không để mất tài liệu, lộ lọt bí mật nhà nước.

Chỉ đạo các cấp, các ngành chủ động chuẩn bị tổng kết, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; sơ kết, tổng kết, đánh giá các chương trình, đề án, cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 làm cơ sở để xây dựng văn kiện trình Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 6 tháng đầu năm ước tăng 8,37%, trong đó: nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 6,74%, công nghiệp và xây dựng tăng 11,89%, dịch vụ tăng 7,45%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 7,78%. Sản xuất nông lâm nghiệp tiếp tục phát triển ổn định, mặc dù những tháng đầu năm thời tiết khô hạn, ít mưa đã ảnh hưởng đến tiến độ gieo trồng vụ Đông Xuân nhưng kết quả sản xuất cơ bản bảo đảm kế hoạch. Tổng diện tích gieo trồng ước thực hiện 43.028 ha, đạt 89,3% kế hoạch, bằng 89,2% cùng kỳ[3]. Nguồn giống, vật tư đảm bảo phục vụ sản xuất của Nhân dân; các đối tượng dịch hại có mật độ, tỷ lệ gây hại thấp. Chăn nuôi phát triển ổn định, tổng đàn trâu, đàn bò giảm nhẹ, đàn lợn và đàn gia cầm tăng, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt kế hoạch đề ra. Triển khai Tháng tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường và hoàn thành tiêm phòng cho gia súc, gia cầm đợt 1 năm 2025[4]. Tổng diện tích trồng rừng mới ước thực hiện 5.000 ha, đạt 55,6% kế hoạch; trồng cây phân tán 1,2 triệu cây, đạt 54% kế hoạch.

Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới (NTM) tiếp tục được quan tâm thực hiện; chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Chỉ đạo tập trung thực hiện các công trình tại các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu năm 2025[5]. Số tiêu chí bình quân đạt 15,18 tiêu chí/xã, toàn tỉnh có 106/175 xã (xã cũ) đạt chuẩn NTM, 28 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 10 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

Hoạt động xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu đạt kết quả tốt, hiệu suất thông quan rất cao, trung bình khoảng 1.550 lượt xe/ngày, cao điểm đạt trên 2.000 lượt xe/ngày. Trong 6 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của tất cả các loại hình qua địa bàn tỉnh đạt 41.710,4 triệu USD, tăng 39,22% so với cùng kỳ năm 2024.[6]

---

[3] Cây lúa 14.562 ha, đạt 97,08% so với kế hoạch, bằng 93,59% cùng kỳ (hiện nay cây lúa đang giai đoạn làm đòng - trỗ); Cây ngô 13.618 ha, bằng 97,38%, đạt 97,27% kế hoạch; cây lấy củ có chất bột 1.628 ha, bằng 83,87% cùng kỳ, đạt 90,44% kế hoạch; cây thực phẩm 6.742 ha, bằng 84,53% cùng kỳ, đạt 85,34% kế hoạch; cây công nghiệp 4.030 ha, bằng 91,4% cùng kỳ, đạt 89,6% kế hoạch; Cây hàng năm khác 2.709 ha, bằng 62,2% cùng kỳ, đạt 57,6% kế hoạch.

[4] Đã cấp phát Vắc xin Dại: 15.089 liều; Vắc xin LMLM: 28.400 liều; Vắc xin DTLCP 4.700 liều; Vắc xin Viêm da nổi cục: 6.700 liều….cơ bản các huyện, thành phố (trước khi kết thúc hoạt động) đã triển khai xong.

[5] UBND các huyện, thành phố phê duyệt đầu tư 56 công trình khởi công mới tại các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu năm 2025. Hiện nay, đã khởi công 07/56 công trình, 19/56 công trình dừng theo chỉ đạo của UBND tỉnh, 33/56 công trình đang hoàn thiện thủ tục chuẩn bị đầu tư theo quy định.

[6] Trong đó, riêng kim ngạch hàng hóa mở tờ khai tại Chi cục Hải quan khu vực VI đạt 2.757,4 triệu USD, tăng 4,3% so với cùng kỳ. Kim ngạch hàng địa phương xuất khẩu 74 triệu USD, đạt 40,4% kế hoạch, tương đương cùng kỳ.

Hoạt động thương mại và dịch vụ cơ bản ổn định, phát triển đúng định hướng; nguồn hàng phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân và khách du lịch; công tác bình ổn giá được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo cân đối cung - cầu thị trường hàng hoá. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân (CPI) tăng 1,93% so với cùng kỳ; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 6 tháng năm 2025 đạt 21.450,7 tỷ đồng, tăng 16,07% so với cùng kỳ. Hệ thống ngân hàng hoạt động ổn định, an toàn; tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng đạt 52.800 tỷ đồng, tăng 11,7% so với cùng kỳ; tổng dư nợ tín dụng đạt 47.950 tỷ đồng, tăng 12,8% so với cùng kỳ. Hoạt động vận tải, kho bãi ổn định, thông suốt, đáp ứng nhu cầu đi lại và lưu thông hàng hóa, doanh thu vận tải, kho bãi đạt 1.410,3 tỷ đồng, tăng 12,41% so với cùng kỳ; dịch vụ bưu chính, viễn thông tiếp tục được cải thiện, nâng cao chất lượng phục vụ.

Đẩy mạnh thực hiện các chương trình, đề án hỗ trợ, phát triển du lịch; triển khai nhiều giải pháp, nhất là chuyển đổi số trong xúc tiến, quảng bá du lịch, trong đó tập trung tuyên truyền về Công viên địa chất Lạng Sơn được công nhận là Công viên địa chất toàn cầu UNESCO. Tiếp tục đôn đốc nhà đầu tư triển khai các dự án đầu tư lĩnh vực du lịch, trọng tâm là dự án Quần thể khu du lịch sinh thái, cáp treo Mẫu Sơn; dự án đầu tư Khách sạn sân golf Hoàng Đồng - Lạng Sơn,...Thu hút khách du lịch ước 3,11 triệu lượt khách, đạt 70,7% kế hoạch, tăng 4,7% so với cùng kỳ[7]; doanh thu 2.931 tỷ đồng, đạt 65,1% kế hoạch, tăng 12,6% so với cùng kỳ.

UBND tỉnh đã tập trung thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, thi công công trình, giải ngân vốn đầu tư công; công tác chỉ đạo, điều hành có nhiều đổi mới, quyết liệt, bám sát các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh[8]; tổ chức phân bổ, giao kế hoạch vốn đảm bảo thời gian, đúng mục tiêu, cơ cấu, định mức và danh mục theo nghị quyết của HĐND tỉnh, quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách đặc thù, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; quyết liệt trong công tác giải phóng mặt bằng, nhất là các dự án trọng điểm.

Kết quả giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước trong 6 tháng đầu năm là 2.297,8 tỷ đồng, đạt 40,2% kế hoạch Trung ương giao (tỷ lệ giải ngân tăng 10,4% điểm tương đối so với cùng kỳ năm 2024[9], cao hơn 7,7% điểm tương đối so với mức giải ngân bình quân chung cả nước[10]), đạt 31,0% kế hoạch địa phương triển khai. Cụ thể: giải ngân kế hoạch vốn năm 2025 thuộc kế hoạch Trung ương giao 1.992,0 tỷ đồng, đạt 34,9%[11]; giải ngân các nguồn vốn khác hỗ

---

[7] Trong đó: Khách quốc tế đạt 131.000 lượt khách, tăng 67,9% so với cùng kỳ, đạt 43,7% so với kế hoạch. Khách trong nước đạt 2.979.000 lượt khách, tăng 3% so với cùng kỳ , đạt 85,1% so với kế hoạch.

[8] Đã ban hành Chỉ thị về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công và vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025; thành lập Tổ công tác đặc biệt đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công...

[9] Tỷ lệ giải ngân cùng kỳ năm 2024 (chưa bao gồm vốn kéo dài) là 1.029,6 tỷ đồng, đạt 29,8% kế hoạch.

[10] Mức giải ngân bình quân chung cả nước theo Công văn số 9359/BTC-TH ngày 26/6/2025: 32,5%

[11] Trong đó: Vốn ngân sách địa phương: 346,2 tỷ đồng, đạt 24,7% kế hoạch; Vốn ngân sách trung ương: 1.645,8 tỷ đồng, đạt 38,2% kế hoạch.

trợ cho đầu tư (tăng thu ngân sách, đối ứng Chương trình MTQG cấp huyện) địa phương triển khai ngoài kế hoạch Trung ương giao 305,8 tỷ đồng, đạt 35,7% kế hoạch địa phương triển khai.

Công tác chuyển đổi số tiếp tục được triển khai mạnh mẽ và đạt được những kết quả toàn diện, hiệu quả.[12] Công tác thu ngân sách được thực hiện quyết liệt ngay từ đầu năm, gắn với thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế trên 8%, Ban Chỉ đạo thu ngân sách tỉnh đã chỉ đạo tập trung rà soát mở rộng cơ sở thu và chống chuyển giá, trốn thuế, quản lý hiệu quả các nguồn thu phát sinh từ các giao dịch thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, giao dịch xuyên biên giới. Đôn đốc thu hồi các khoản nợ đọng thuế, thực hiện giảm tỷ lệ nợ đọng thuế; phấn đấu thu ngân sách nhà nước năm 2025 cao hơn khoảng 13% so với dự toán Trung ương giao. Tiến độ thu ngân sách nhà nước thực hiện 6 tháng đầu năm đạt khá so với kế hoạch giao, ước thực hiện 7.339,7 tỷ đồng, đạt 80,6% dự toán Trung ương giao, đạt 73,9% dự toán tỉnh giao, tăng 47% so với cùng kỳ[13].

Điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được giao, chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển KTXH, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, tổ chức Đại hội Đảng các cấp. Đã điều chỉnh dự toán năm 2025 đối với các sở, ban, ngành, các hội được hợp nhất, sắp xếp lại; cân đối nguồn ngân sách thực hiện tinh giản biên chế kịp thời cho các đối tượng; trong khi chờ trung ương cấp kinh phí, đã chủ động cân đối ngân sách và bố trí kịp thời kinh phí thực hiện xoá nhà tạm, nhà dột nát cho các đối tượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện 8.815,8 tỷ đồng, đạt 46,7% dự toán, tăng 81,8% so cùng kỳ[14].

Kết quả GDĐT có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng giáo dục, đào tạo tiếp tục nâng cao và cải thiện. Triển khai tốt nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 theo đúng kế hoạch; tổ chức nghiêm túc, an toàn, đảm bảo chất lượng, quy định Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025; tổ chức, tham gia và đạt kết quả cao tại các

---

[12] Ban hành Kế hoạch và triển khai phong trào "Bình dân học vụ số". Đã tổ chức Hội thảo với chủ đề "Nghị quyết 57 - Ứng dụng công nghệ AI và Chuyển đổi số tại tỉnh Lạng Sơn". Duy trì các hệ thống, nền tảng công nghệ thông tin của tỉnh, đảm bảo hoạt động trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy. Duy trì, cập nhật kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Lạng Sơn, phiên bản 3.0 phù hợp Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và triển khai áp dụng Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh đã được phê duyệt. Đưa vào sử dụng Nền tảng Trợ lý ảo (Chatbot) hướng dẫn thực hiện dịch vụ công, thủ tục hành chính hoạt động hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Đến thời điểm báo cáo có 435.208 lượt hỏi và trả lời trên Trợ lý ảo Triển khai, khai thác trợ lý ảo Công chức số Xứ Lạng đã đưa ra kết quả tìm kiếm chính xác đến 90%. Thí điểm vận hành cơ sở dữ liệu đất đai tại 11 huyện, thành phố, có kết nối, liên thông theo Đề án 06[12]. Nền tảng cửa khẩu số tiếp tục duy trì hoạt động ổn định, 100% các doanh nghiệp đã khai báo và được xử lý trực tuyến trên Nền tảng cửa khẩu số trước khi phương tiện đến cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, cửa khẩu Tân Thanh. Số phương tiện đã được xử lý trên Nền tảng cửa khẩu số là 110.083 phương tiện (trong đó 27.108 phương tiện xuất khẩu và 82.975 phương tiện nhập khẩu). Duy trì, vận hành hoạt động của Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh 24/24; đảm bảo an toàn thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan, đơn vị.

[13] Trong đó: Thu nội địa 1.898,6 tỷ đồng, đạt 71,6% dự toán Trung ương giao, đạt 54,4% dự toán tỉnh giao, tăng 28,4% so với cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 5.425,5 tỷ đồng, đạt 84,1% dự toán giao, tăng 54,4% so với cùng kỳ; các khoản huy động, đóng góp 15,5 tỷ đồng.

[14] Trong đó: Chi cân đối ngân sách địa phương 7.011,4 tỷ đồng, đạt 49% dự toán, tăng 71,3% so với cùng kỳ; Chi chương trình mục tiêu quốc gia và một số chương trình, dự án, nhiệm vụ khác 1.804,3 tỷ đồng, đạt 39,4% dự toán, tăng 138,9% so với cùng kỳ.

cuộc thi cấp quốc gia[15]. Trình Bộ GDĐT Đề án thành lập Trường Cao đẳng Lạng Sơn[16]; thực hiện Đề án Phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030. Bước đầu khai thác, hoàn thiện, kết nối các phần mềm, hệ thống chuyển đổi số của ngành giáo dục[17]. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đạt kết quả cao, đã công nhận mới 12 trường, công nhận lại 13 trường, toàn tỉnh có 317 trường học đạt chuẩn quốc gia, chiếm 48,9%, tăng 1,5% so với năm 2024. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học[18]. Công tác phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục được chú trọng, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ đổi mới giáo dục và đào tạo của tỉnh; các chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên (HSSV) được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng.

2. Đánh giá tóm tắt tình hình phát triển KTXH lĩnh vực giáo dục của địa phương

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 và ước thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2025 của địa phương (thuộc lĩnh vực giáo dục).

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2024 - 2025	Thực hiện 2024 - 2025	Kết quả
1	Tổng số HS				
-	Nhà trẻ	Trẻ	11.145	11.210	đạt
-	Mẫu giáo	HS	40.901	38.474	Chưa đạt
-	Tiểu học	HS	73.092	72.658	đạt
-	Trung học cơ sở (THCS)	HS	56.043	58.599	đạt
-	Trung học phổ thông (THPT)	HS	24.302	25.597	đạt
2	Tỷ lệ huy động				
-	Trẻ dưới 3 tuổi	%	49,30	50,06	đạt

[15] Tổ chức thi chọn HSG quốc gia THPT năm học 2024- 2025, kết quả có 34 giải (04 nhì, 07 ba và 23 khuyến khích). Tham dự Cuộc thi khoa học kỹ thuật quốc gia dành cho học sinh trung học năm học 2024 -2 025 đạt 03 giải (02 giải Nhì, 01 giải Tư); tham dự vòng Chung kết Cuộc thi "HSSV với ý tưởng khởi nghiệp" lần thứ VII năm 2025 do Bộ GDĐT tổ chức đạt 01 giải nhì, 01 giải ba.

[16] Quyết định số 2417/QĐ-BGDĐT ngày 27/8/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc sáp nhập Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn, Trường Cao đẳng Y tế Lạng Sơn vào Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn và đổi tên thành Trường Cao đẳng Lạng Sơn trực thuộc UBND tỉnh Lạng Sơn

[17] Hệ thống hỗ trợ thu thập, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu ngành và trung tâm điều hành giáo dục tỉnh Lạng Sơn (IOC EDU); phần mềm quản lý nhà trường (SMAS, VNEDU)

[18] Tiếp tục triển khai xây dựng, sửa chữa các công trình trường, lớp học theo kế hoạch; 100% học sinh các cơ sở GDPT được cung cấp đầy đủ sách giáo khoa phục vụ cho học tập. Đã hoàn thành mua sắm TBDH tối thiểu lớp 7, lớp 10, TBDH tối thiểu cho phòng thực hành tin học, thiết bị thí nghiệm trang bị cho các trường học trên địa bàn tỉnh; tiếp tục triển khai các bước mua sắm, trang bị TBDH tối thiểu lớp 2, lớp 4, lớp 5, lớp 8, lớp 9, lớp 11, lớp 12 cho các CSGD công lập; TBDH tối thiểu và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2024 - 2025	Thực hiện 2024 - 2025	Kết quả
-	Mẫu giáo từ 3 - 5 tuổi	%	93,17	93,40	đạt
-	Tiểu học (đúng độ tuổi)	%	92,70	93,02	đạt
-	THCS (đúng độ tuổi)	%	100	100	đạt
3	Phổ cập giáo dục				
-	Phổ cập mẫu giáo 5 tuổi	xã	194	194	đạt
+	Tỷ lệ xã, phường thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi	%	100	100	đạt
-	Duy trì phổ cập giáo dục Tiểu học, THCS	xã	194	194	đạt
+	Tỷ lệ xã, phường thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học, THCS	%	100	100	đạt
4	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	64	64	đạt
5	Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia (theo năm kế hoạch)	Trường	313	313	đạt

3. Đánh giá tình hình thực hiện và ước thực hiện kế hoạch phát triển GDĐT năm 2025

3.1. Đánh giá tóm tắt tình hình thực hiện kế hoạch năm 2025 đối với các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm

Căn cứ các Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12/11/2024 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH và dự toán NSNN năm 2025; Nghị quyết số 25/NQ-CP của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên, HĐND tỉnh đã ban hành các Nghị quyết của HĐND tỉnh[19]; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

[19] các Nghị quyết: số 66/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 về dự toán thu NSNN trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2025; số 67/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Lạng Sơn; số 68/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 về Kế hoạch đầu tư công và kế hoạch vốn thực hiện các chương trình MTQG năm 2025 tỉnh Lạng Sơn; số 69/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 về mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2025

Tập trung phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và hội nhập quốc tế. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học; phát triển, hoàn thiện mạng lưới cơ sở GDĐT đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người dân. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên, từng bước khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên, nhất là tại địa bàn vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục bảo đảm chất lượng các hoạt động GDĐT, phấn đấu công nhận mới 15 trường học đạt chuẩn quốc gia. Thực hiện hiệu quả Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030. Tiếp tục thực hiện xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục. Thực hiện đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục quốc phòng, an ninh cho HSSV gắn với xây dựng và phát huy hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học và thu hút người có trình độ chuyên môn cao về công tác tại tỉnh. Phát triển GDNN, trọng tâm là kỹ năng nghề; đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động, tập trung đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn, quan tâm đào tạo nghề cho đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS). Triển khai xây dựng Đề án đào tạo lao động có tay nghề đáp ứng nhu cầu phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; xây dựng kế hoạch đào tạo nghề, kế hoạch phân luồng đào tạo gắn với giải quyết việc làm, đẩy mạnh hợp tác giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, xúc tiến các chương trình đào tạo theo đặt hàng với các doanh nghiệp. Đẩy mạnh công tác tuyển sinh lao động nông thôn, công tác tư vấn, tuyển sinh đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng; phấn đấu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%. Triển khai kịp thời, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, chú trọng một số ngành lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho phát triển KTXH.[20]

Đẩy mạnh chuyển đổi số sâu rộng, toàn diện; giữ vững kết quả đã đạt được, duy trì trong nhóm các tỉnh dẫn đầu về chuyển đổi số. Duy trì nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh và kết nối đến 100% hệ thống thông tin, cơ sở

---

[20] Triển khai các đề tài, dự án và tổ chức nhân rộng kết quả của các đề tài, dự án đã được nghiệm thu vào đời sống sản xuất, tập trung vào các lĩnh vực về giống, quy trình kỹ thuật canh tác mới, công nghệ chế biến nông, lâm sản, xây dựng nhãn hiệu hàng hóa,... Tiếp tục thực hiện Đề án triển khai Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 và tổ chức tổng kết Đề án (giai đoạn 2021 - 2025). Tổ chức tổng kết kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2025. Tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật, Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, quản lý công nghệ, sở hữu trí tuệ, công tác sáng kiến, hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Nghiên cứu, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

dữ liệu của bộ, ngành Trung ương. Tập trung xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số, cửa khẩu số, công dân số; đảm bảo an ninh, an toàn mạng. Quản lý hiệu quả, phát triển hạ tầng số đồng bộ, đẩy mạnh thực hiện xóa trắng sóng tại các thôn, bản. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số đến năm 2025 theo các Chương trình, Kế hoạch đề ra, gắn với việc thực hiện Đề án 06 của Chính phủ. Tập trung hoàn thành các mục tiêu về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025 theo Nghị quyết số 49-NQ/TU, ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Nâng cao chất lượng báo chí, thông tin, truyền thông; quản lý tốt công tác thông tin, báo chí, xuất bản, thông tin trên mạng xã hội, đảm bảo tuyên truyền đúng định hướng, kịp thời phản bác, đính chính các thông tin sai lệch, không chính thống.

3.2. Đánh giá chung tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2024-2025 *(tại Quyết định số 2236/QĐ-BGDĐT ngày 23/08/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2024-2025 của ngành giáo dục)*

3.2.1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục

UBND tỉnh trình Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, kịp thời công tác GDĐT trên địa bàn tỉnh.[21]

3.2.2. Đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng, trong đó quan tâm đến đối tượng là người DTTS, người sống ở miền núi, vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo

Chỉ đạo Sở GDĐT tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả văn bản chỉ đạo của các cấp; tăng cường chỉ đạo duy trì, củng cố phổ cập giáo dục mầm non (PCGDMN) cho trẻ em năm tuổi. Toàn tỉnh hiện có 729 lớp mẫu giáo 5 tuổi với 14.567 trẻ, đạt 100% so với độ tuổi, trong đó phòng kiên cố 601/729 (tỷ lệ 82.4%); 100% lớp 5 tuổi có phòng học riêng đảm bảo kiên cố và đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi quy định. Giáo viên dạy lớp 5 tuổi đảm bảo tỷ lệ 2,02 GV/lớp, đạt

---

[21] Kế hoạch số 185-KH/TU, ngày 30/8/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị khóa XIII về công tác PCGD, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong GDPT giai đoạn 2024-2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 91-KL/TW, ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI "Về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"

Các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 Quy định một số chính sách đặc thù đối với Trường THPT chuyên Chu Văn An, tỉnh Lạng Sơn; Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND, ngày 29/7/2024 quy định mức thu học phí đối với CS GDMN, GDPT công lập năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 15/7/2025 Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển GDMN ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2025-2030; Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 15/7/2025 Quy định mức hỗ trợ người lao động thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tại các cơ sở hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 15/7/2025 Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của các CSGD công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 15/7/2025 phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

các yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp GVMN. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo kết quả thực hiện PCGD-XMC theo quy định; thực hiện tốt công tác phối hợp điều tra, xử lý số liệu theo phổ cập PCGD - XMC đảm bảo đầy đủ, kịp thời.

Triển khai nội dung thực hiện theo lộ trình công tác PCGDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi. Đồng thời chỉ đạo các cơ sở GDMN tiếp tục tuyên truyền tới phụ huynh và cộng động huy động trẻ em ra lớp; tổ chức rà soát các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, đồ dùng, thiết bị, đồ chơi. Hầu hết các đơn vị thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với trẻ em và đội ngũ giáo viên theo quy định; quan tâm rà soát, chuẩn bị các điều kiện để sẵn sàng thực hiện PCGDMN cho trẻ em mẫu giáo.

Chỉ đạo Sở GDĐT xây dựng kế hoạch, tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng cho 110 lãnh đạo, chuyên viên phụ trách GDTH các Phòng GDĐT; CBQL, GV cốt cán dạy tiếng Việt cho trẻ trước khi vào lớp Một trong các cơ sở GDTH trên địa bàn tỉnh[22]. Thông qua đó, các CBQL, GV hiểu rõ hơn về những định hướng chỉ đạo, biết cách xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy và tổ chức thực hiện dạy học tiếng Việt cho trẻ trước khi vào lớp Một theo chỉ đạo của Bộ GDĐT đảm bảo chất lượng, khả thi, phù hợp với đối tượng, điều kiện thực tiễn nhà trường; biết vận dụng có hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá,... nhằm giải quyết những khó khăn về rào cản ngôn ngữ cho trẻ em người DTTS trước khi vào lớp Một theo định hướng tiếp cận năng lực và phẩm chất, đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018.[23]

Chỉ đạo xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục người khuyết tật tại các đơn vị trường học theo Luật Người khuyết tật 2010 và các văn bản[24] quy phạm pháp luật về giáo dục người khuyết tật. Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập; được học hòa nhập, được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân. Việc tổ chức dạy và học cho học sinh khuyết tật phải được thực hiện trên cơ sở kế hoạch giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của học sinh khuyết tật. Đánh giá học sinh có hoàn cảnh khó khăn thực hiện theo quy định hiện hành và căn cứ vào mức độ đạt được so với nội dung và yêu cầu đã được điều chỉnh theo quy định[25].

Năm 2024, UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập 03 trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập tư thục nhằm mở rộng mạng lưới cơ sở hỗ trợ trẻ khuyết tật

---

[22] Kế hoạch số 3182/KH-SGDĐT ngày 27/9/2024 của Sở GDĐT về việc tập huấn, bồi dưỡng dạy học tiếng Việt cho trẻ em là DTTS trước khi vào lớp Một đáp ứng Chương trình GDPT 2018.

[23] Kết quả năm học 2024-2025: 244/244 trường có cấp Tiểu học tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người DTTS trước khi vào lớp Một với 644 lớp, 13.722 học sinh (trong đó, học sinh là người DTTS: 12.171 học sinh). Tổng số tiết dạy: 34.902.

[24]Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030; Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ GDĐT Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật; Thông tư số 15/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 của Bộ GDĐT ban hành Quy định chuẩn quốc gia về chữ nổi Braille cho người khuyết tật và Thông tư số 17/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2020 của Bộ GDĐT ban hành Quy định Chuẩn quốc gia về ngôn ngữ ký hiệu cho người khuyết tật; Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ LĐTB&XH quy định về xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật.

[25] Thông tư số 39/2009/TT-BGDĐT ngày 29/12/2009 của Bộ GDĐT ban hành quy định giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

học tập, can thiệp sớm và phát triển kỹ năng. Năm 2025, chỉ đạo xây dựng Đề án thành lập Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập tỉnh Lạng Sơn[26].

3.2.3. Nâng cao chất lượng GDMN, GDPT và giáo dục thường xuyên

a) Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, đảm bảo an toàn và thực hiện Chương trình GDMN

Chỉ đạo Sở GDĐT tăng cường tập trung chỉ đạo phòng GDĐT, các cơ sở GDMN công lập và ngoài công lập trên địa bàn toàn tỉnh thực hiện rà soát, kiểm tra cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi so với các tiêu chí, tiêu chuẩn tại Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT[27] để có biện pháp khắc phục kịp thời những yếu tố gây nguy cơ mất an toàn cho trẻ ngay từ đầu năm học. Tăng cường chỉ đạo các đơn vị đưa các nội dung Chuyên đề "Đẩy mạnh phòng chống bạo hành trẻ" vào nhiệm vụ thường xuyên của cơ sở GDMN; thực hiện việc giáo dục kiến thức, kĩ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các cơ sở GDMN[28]; 100% các cơ sở GDMN thực hiện hiệu quả bộ quy tắc ứng xử theo quy định; trẻ em đến trường được bảo đảm an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần.

Thực hiện các giải pháp tăng tỷ lệ trẻ được ăn bán trú tại trường. Tăng cường các điều kiện bảo đảm tổ chức bữa ăn cho trẻ tại cơ sở GDMN[29]; quản lí chặt chẽ chất lượng bữa ăn tại trường/lớp; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và có sự tham gia giám sát của Ban đại diện cha mẹ trẻ em trong việc bảo đảm chất lượng bữa ăn và vệ sinh an toàn thực phẩm; đảm bảo 100% trẻ em đến trường được an toàn về thể chất và tinh thần; kịp thời chấn chỉnh, xử lí những sai phạm trong công tác nuôi dưỡng trẻ tại các cơ sở GDMN. Tiếp tục đẩy mạnh huy động nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng phục vụ việc tổ chức bữa ăn bán trú, bảo đảm các điều kiện tổ chức hiệu quả ***"Chăm sóc tốt; nuôi dưỡng tốt"*** cho trẻ; có giải pháp hỗ trợ, nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ em ở vùng khó khăn.[30]

Kết quả: tỷ lệ trẻ được ăn bán trú trong các cơ sở GDMN được duy trì và tăng so với năm học trước. 100% trẻ đến trường, nhóm, lớp được khám sức khỏe định kỳ và được theo dõi sự phát triển bằng biểu đồ tăng trưởng. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi các độ tuổi cuối năm giảm từ 5,0 - 8,2% so với đầu năm học và giảm 0,1-0,2% so với cùng kỳ.

---

[26] Tờ trình số 2388 /TTr-SGDĐT ngày 27/6/2025 của Sở GDĐT về việc đề nghị thành lập Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Lạng Sơn.

[27] ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ trong cơ sở GDMN

[28] Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11/05/2022 của Bộ GDĐT hướng dẫn trang bị kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục.

[29]Công văn số 404/BGDĐT-GDĐT ngày 24/01/2024 về tăng cường, bảo đảm các điều kiện ăn, ở, sinh hoạt và học tập cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông; Công văn số 1587/SGDĐT-VP ngày 14/5/2025 của Sở GDĐT về việc tăng cường công tác y tế trường học và vệ sinh an toàn thực phẩm trong các đơn vị, cơ sở giáo dục; Công văn số 1272/SGDĐT-GDMN,TH ngày 22/4/2025 của Sở GDĐT về việc thực hiện một số nhiệm vụ cuối năm học 2024-2025 và chuẩn bị các điều kiện năm học 2025-2026.

[30] Chỉ đạo các cơ sở GDMN thường xuyên tổ chức bữa ăn ***thân thiện*** tại các đơn vị; đẩy mạnh giáo dục trẻ kỹ năng sống, kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe; lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khoẻ, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với điều kiện thực tế; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe trong cơ sở GDMN; 100% trẻ em đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới.

b)Thực hiện chương trình GDPT 2018 đặc biệt ở lớp 5, 9, 12; đổi mới phương pháp và kiểm tra đánh giá

Sở GDĐT đã chỉ đạo triển khai thực hiện các mô hình đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá tại các nhà trường. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) linh hoạt, đổi mới, sáng tạo; phát huy tính chủ động, sáng tạo, hứng thú của học sinh. Lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp để tổ chức các hoạt động học tập của học sinh; dành nhiều thời gian cho học sinh khai thác sử dụng sách giáo khoa, thực hành, thí nghiệm để tiếp nhận và vận dụng kiến thức thông qua thực hiện nhiệm vụ được giao và hoàn thành sản phẩm học tập cụ thể theo yêu cầu của giáo viên. Khuyến khích đa dạng các hình thức tổ chức dạy học; tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục thông qua hoạt động văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao, trải nghiệm hướng nghiệp, giáo dục STEM. Tăng cường tổ chức các hội thảo, tọa đàm, sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường về tổ chức thực hiện chương trình, đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của chương trình GDPT 2018.

**** Đối với học sinh lớp 5:*** chỉ đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 phù hợp, bám sát các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT[31], thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lý, đảm bảo chất lượng. Năm học 2024-2025 có 14.911/14.911 (tỷ lệ 100%) học sinh lớp 5 được học 2 buổi/ngày và đảm bảo được học môn Tin học, Tiếng Anh theo Chương trình GDPT 2018. Kết quả năng lực và phẩm chất của học sinh lớp 5 năm học 2024-2025[32]. Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 14.885/14.9911 (99,83%)[33].

**** Đối với học sinh lớp 9, 12:*** Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc quy định đánh giá nhiều lần và không vượt quá yêu cầu cần đạt của chương trình; đa dạng hoá các hình thức kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập. Tăng cường xây dựng ngân hàng câu hỏi, ma trận đề kiểm tra theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học; chuẩn bị cho học sinh lớp 9 làm quen với định hướng đề thi tuyển sinh vào lớp 10, học sinh lớp 12 làm quen với định hướng đề thi tốt nghiệp THPT. Kết hợp việc kiểm tra trực tiếp với các nền tảng trực tuyến trên hệ thống phần mềm. Kết quả, toàn tỉnh đã triển khai thực hiện các mô hình đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá cấp trung học, đảm bảo mỗi trường trung học thực hiện tối thiểu 01 mô hình đổi mới (cấp THPT: 54 mô

---

[31] Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GDĐT; Công văn số 2013/SGDĐT-GDMN, TH ngày 02/7/2021 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp Tiểu học.

[32] Tiếng Việt lớp 5: tỷ lệ học sinh hoàn thành tốt đạt 64,92%; hoàn thành đạt 34,94%, chưa hoàn thành 0,14%; môn Toán lớp 5: tỷ lệ học sinh hoàn thành tốt đạt 65,15%; hoàn thành đạt 34,73%, chưa hoàn thành đạt 0,12%. Năng lực cốt lõi: Về 3 năng lực chung: Tốt đạt từ 63,83% đến 69,49%; Đạt từ 30,4 % đến 36,06%; Chưa đạt chiếm 0,1%. Về 7 năng lực đặc thù: Tốt đạt từ 65,1% đến 73,94%; Đạt từ 25,99% đến 34,76%; Chưa đạt chiếm 0,1%. Về 5 phẩm chất chủ yếu: Tốt đạt từ 66,53% đến 93,47%; Đạt từ 6,53% đến 33,38%; Chưa đạt chiếm từ 0% đến 0,1%.

[33] Trong đó: 4.300/14.911 (28,8%) Hoàn thành xuất sắc; 4.226/14.911 (28,3%) Hoàn thành tốt; 6.359/14.911(42,6%) Hoàn thành; Còn 26/14.911 (0,17%) học sinh Chưa hoàn thành *(trong đó có 21 học sinh khuyết tật học hoà nhập).* Số học sinh lớp 5 được khen thưởng cuối năm: 8.519/14.911 (57,1%).

hình, cấp THCS: trên 224 mô hình).[34] Các nhà trường đã nghiêm túc triển khai thực hiện công tác nhận xét, đánh giá học sinh theo quy định.

c) Nâng cao chất lượng dạy ngoại ngữ; nghiên cứu đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai

UBND tỉnh chỉ đạo Sở GDĐT thực hiện nghiêm túc Đề án dạy và học ngoại ngữ theo Quyết định 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ[35], từng bước triển khai các điều kiện đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai. Tỷ lệ học sinh tiểu học, THCS và THPT được học tiếng Anh đạt trên 97%. Toàn tỉnh có gần 100% giáo viên tiếng Anh đã được tập huấn, bồi dưỡng thực hiện Chương trình GDPT 2018. Các mô hình giao lưu, câu lạc bộ, ngày hội tiếng Anh được duy trì thường xuyên, tạo môi trường sử dụng ngoại ngữ trong và ngoài lớp học.

Trang thiết bị dạy học tiếng Anh được đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất, nhiều trường phổ thông đã có phòng học tiếng Anh đạt chuẩn theo danh mục thiết bị tối thiểu. Việc triển khai tiếng Anh tự chọn ở lớp 1, lớp 2 tiếp tục mở rộng, số trường đủ điều kiện đã đạt 72% . Đồng thời, công tác hợp tác quốc tế, khai thác chuyên gia nước ngoài, trợ giảng, tình nguyện viên được tăng cường, góp phần nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, tích cực chuẩn bị các điều kiện để thực hiện Đề án đưa Tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ 2 trong trường học trong thời gian tiếp theo.

Bên cạnh đó, nôn Tiếng Trung Quốc đã được đưa vào dạy ở 11 trường THPT với tổng số 14 lớp, kết quả số học sinh được đánh giá đạt trên 97%. Nhiều học sinh đoạt giải tại kỳ thi HSG cấp tỉnh, cấp quốc gia và nhận được học bổng du học tại Trung Quốc.

d) Đẩy mạnh giáo dục thường xuyên, mô hình học tập, học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập, kiểm định chất lượng

Công tác triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030" trên địa bàn tỉnh đã huy động sự vào cuộc của cấp ủy, chính quyền các cấp; sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành, đoàn thể trong triển khai thực hiện hiệu quả nhiệm vụ, chỉ tiêu của Đề án. Hệ thống trung tâm học tập cộng đồng tại các xã, phường được củng cố, duy trì hoạt động hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức và kỹ năng cho người dân. Nhiều mô hình học tập suốt

---

34 100% các nhà trường đều đa dạng hoá các hình thức dạy học, tổ chức dạy học STEM, dạy học dự án có hiệu quả. Số giáo viên dạy học chủ đề STEM cấp THCS là 1484/3381. Có 622/3381 giáo viên cấp THCS có khả năng hướng dẫn học sinh lập trình điều khiển rô bốt. Số chủ đề STEM cấp THCS đã thực hiện là 5045. Đã tổ chức được 421 giờ học kết nối, 477 buổi sinh hoạt chuyên môn liên trường cấp THCS. Các hoạt động giáo dục được tổ chức sáng tạo; hoạt động nghiên cứu khoa học diễn ra sôi nổi, chất lượng; số lượng các câu lạc bộ trong nhà trường tăng và hoạt động hiệu quả theo từng năm học. 797 CLB đã được thành lập và hoạt động trong các trường có cấp THCS. Có 4779 học sinh THCS có khả năng lập trình, điều khiển Rô bốt. 100% các nhà trường đều sử dụng thiết bị dạy học số, thí nghiệm ảo, phần mềm mô phỏng. 112404 câu hỏi đã được xây dựng, thẩm định. 100% giáo viên trung học vận dụng được hình thức, phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng dẫn của Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT và theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Nhiều giáo viên có những bài giảng sinh động, phong phú, hấp dẫn, lôi cuốn được học sinh. Chất lượng các bài kiểm tra được nâng cao.

35 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025

đời được triển khai linh hoạt, phù hợp với điều kiện từng địa phương như "Gia đình học tập", "Dòng họ học tập", "Cộng đồng học tập". Công tác tuyên truyền, vận động được đẩy mạnh, tạo chuyển biến tích cực về nhận thức trong toàn xã hội. Tỷ lệ người dân tham gia học tập tăng, đặc biệt ở vùng đồng bào DTTS.[36]

đ) Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên và CBQL cơ sở giáo dục bảo đảm đủ số lượng và nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDĐT

Tiếp tục thực hiện Đề án Phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030, đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục cơ bản đáp ứng nhu cầu tối thiểu về số lượng và cơ cấu. Tổ chức tuyển dụng viên chức viên chức sự nghiệp giáo dục trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng quy định, kịp thời bố trí đội ngũ mới tuyển dụng cho các cơ sở giáo dục, giảm thiểu khó khăn trong việc khắc phục tình trạng thiếu giáo viên[37]. Triển khai rà soát đề án vị trí việc làm đảm bảo đúng quy định. Thực hiện điều động, tiếp nhận viên chức và chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức theo quy định, phù hợp với nhu cầu về cơ cấu viên chức tại các cơ sở giáo dục, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ[38].

e) Sử dụng hiệu quả NSNN và huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục

* Đảm bảo chi tối thiểu 20% NSNN cho giáo dục; tối thiểu 19% chi thường xuyên

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/02/2021 quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương, theo đó định mức phân bổ chi Sự nghiệp giáo dục như sau:

- Định mức chi sự nghiệp giáo dục cho các Trường THPT, Trường PTDTNT, Trung tâm GDTX thuộc cấp tỉnh quản lý, đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tối đa là 84%; chi khác tối thiểu là 16%; Các cơ sở GDMN; GDTH; GD THCS; Trung tâm GDNN - GDNN thuộc cấp huyện quản lý đảm bảo cơ cấu chi lương và các khoản có tính chất lương tối

---

[36] *Về công tác Tự đánh giá:* 100% các cơ sở giáo dục đã xây dựng và thực hiện kế hoạch tự đánh giá, công tác cải tiến chất lượng sau tự đánh giá và đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Sở GDĐT theo đúng chỉ tiêu đã đăng ký trong năm học.

Về công tác đánh giá ngoài: Sở GDĐT thẩm định hồ sơ, ban hành Quyết định thành lập và thực hiện công tác đánh giá ngoài kịp thời đối với 100% trường học đã đăng ký, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận đạt chuẩn quốc gia cho các nhà trường. Việc phối hợp giữa các sở, ngành liên quan trong công tác kiểm định CLGD và công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia khá chặt chẽ và hiệu quả; qua công tác đánh giá ngoài đã kết hợp tư vấn, tháo gỡ cho các nhà trường những khó khăn, vướng mắc trong nhiều hoạt động liên quan đến việc đánh giá các tiêu chí công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia.

[37] Năm học 2024-2025, tổ chức tuyển dụng được 295/399 chỉ tiêu (trong đó, giáo viên 258/333 chỉ tiêu, nhân viên 37/66 chỉ tiêu) đạt tỷ lệ 73,93%.

[38] Tổng số CBQL, giáo viên, nhân viên toàn ngành 20.330 người (giảm 151 so với năm học 2023-2024); trong đó: CBQL 1645 (giảm 167), giáo viên 14.251 (giảm 98, trong biên chế 13.711, hợp đồng 540) và nhân viên 4434 (tăng 114). Số biên chế có mặt còn thiếu 1380 1380 biên chế so với định mức, thiếu 282 biên chế so với được giao năm 2025.

đa 86%, chi ngoài lương tối thiểu 14%. Các nội dung trên chưa bao gồm kinh phí đảm bảo thêm các nhiệm vụ của các Trường phổ thông DTNT tỉnh và Trường THPT chuyên Chu Văn An.

- Chi Sự nghiệp giáo dục khác:

+ Cấp tỉnh: Gồm các nội dung chi nghiệp vụ chuyên môn của ngành giáo dục; chi hỗ trợ các trường đạt chuẩn quốc gia, chi duy trì công tác PCGD các cấp, chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực của ngành. Chi sự nghiệp giáo dục khác ở cấp tỉnh được quản lý thông qua Sở GDĐT.

+ Cấp huyện: Ngân sách tỉnh phân bổ thêm kinh phí cho Phòng GDĐT các huyện, thành phố từ nguồn sự nghiệp giáo dục để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chung thuộc lĩnh vực ngành trên địa bàn, mức phân bổ 1.000 triệu đồng/huyện, thành phố/năm.

+ Cấp xã: NSNN đảm bảo chế độ phụ cấp cho Giám đốc, Phó giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng cấp xã theo Quyết định của UBND tỉnh; Hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với Trung tâm học tập cộng đồng các xã, phường, thị trấn (trong đó: Xã thuộc khu vực I: 20 triệu đồng/xã/năm; Xã thuộc khu vực II, III: 25 triệu đồng/xã/năm).

Ngoài mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục tại cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã nêu trên, ngân sách dành ra khoản kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ phát sinh đột xuất khác của ngành giáo dục. Trên cơ sở nhu cầu phát sinh thực tế, UBND tỉnh quyết định phân bổ cụ thể cho từng đơn vị.

- Tổng kinh phí chi thường xuyên phân bổ cho Sở năm 2024-2025 gồm:

+ Năm 2024 là: 3.477.406 triệu đồng trên tổng chi thường xuyên NSĐP 9.631.115 triệu đồng (Trong đó: Sự nghiệp giáo dục: 3.092.852 triệu đồng, sự nghiệp giáo dục khác: 384.554 triệu đồng).

+ Năm 2025 là: 3.825.078 triệu đồng trên tổng chi thường xuyên NSĐP 11.790.056 triệu đồng (Trong đó: Sự nghiệp giáo dục: 3.087.581 triệu đồng, sự nghiệp giáo dục khác: 737.497 triệu đồng).

* Tăng cường xã hội hóa; khuyến khích thành lập trường ngoài công lập: Chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 11/3/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực GDĐT, GDNN, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp giai đoạn 2024 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ các năm học và cụ thể hóa vào chương trình, kế hoạch của đơn vị.[39]

---

[39]Vận động các tổ chức, đoàn thể, Nhân dân đóng góp, giúp đỡ đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hạn chế tình trạng học sinh bỏ học. Đầu năm học Viettel Lạng Sơn tặng quà chương trình Vì em hiếu học cho học sinh tiểu học và THCS. Vận động các tổ chức, đoàn thể, Nhân dân đóng góp, giúp đỡ đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn, trang bị cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học với số tiền trên 10 tỷ đồng. Trong năm học đã huy động Nhân dân được trên 70 nghìn ngày công lao động, hiến 285m2 đất. Phát động phong trào quyên góp sách giáo khoa ở cấp tiểu học và thư viện các trường khó khăn.

* Kiên cố hóa trường lớp, đầu tư vùng tăng dân số

Đến hết năm 2024, công tác kiên cố hoá trường lớp đạt được kết quả:

- Mầm non có 2.060 phòng học: kiên cố 1.740 phòng, bán kiên cố 304 phòng, tạm còn 16 phòng. Tỷ lệ kiên cố hoá đạt 84%.

- Tiểu học có 2.401 phòng học: kiên cố 1.985 phòng; bán kiên cố 403 phòng; tạm còn 13 phòng. Tỷ lệ kiên cố hoá đạt 83%.

- THCS: có 3.977 phòng học; kiên cố 3.683 phòng, bán kiên cố 276 phòng, tạm 18 phòng. Tỷ lệ kiên cố hoá đạt 93%.

Các phòng phục vụ sinh hoạt đạt tỷ lệ kiên cố hoá từ 35% trở lên tuỳ từng địa phương và bậc học.

g) Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng, an ninh và giáo dục thể chất, y tế trường học

Triển khai hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong trường học; xây dựng và phát huy hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam; giáo dục HSSV lòng yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong các cơ sở giáo dục; chú trọng công tác phát triển Đảng trong HSSV. Tiếp tục triển khai hiệu quả các Kế hoạch, Chương trình về giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho HSSV[40]. Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ em, HSSV.

Nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục quốc phòng và an ninh theo đường lối, chủ trương của Đảng, Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2013. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho CBQL, giáo viên, giảng viên, viên chức, người lao động theo từng đối tượng trong các cơ quan, đơn vị, CSGD có hiệu quả. Phát huy vai trò của giáo dục quốc phòng, an

---

Cùng với việc đầu tư, nâng cấp các trường, cơ sở công lập, tiếp tục quan tâm chú trọng đến công tác huy động, xây dựng, phát triển các CSGD ngoài công lập. Hiện có 07 trường mầm non tư thục và 31 cơ sở mầm non tư thục. Đẩy mạnh XHH, huy động các nguồn lực đầu tư cho GDĐT, bảo đảm công bằng, bình đẳng giữa khu vực công và khu vực tư. Xây dựng, đề xuất cơ chế, chính sách để khuyến khích các cá nhân và doanh nghiệp thành lập các CSGD ngoài công lập, tham gia XHH giáo dục để giảm người hưởng lương từ NSNN, tạo điều kiện cho người học có nhiều cơ hội lựa chọn các dịch vụ giáo dục có chất lượng. Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn từ NSNN, nhất là nguồn vốn từ các Chương trình MTQG, các chương trình, đề án, dự án đã được phê duyệt.

[40] Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 08/4/2022 về thực hiện Chương trình "Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2030"; Chương trình số 29/CTr-UBND ngày 02/6/2022 về thực hiện "Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng, giai đoạn 2022 - 2030" trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 08/02/2023 về thực hiện Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; phòng, chống bạo lực học đường, phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh trật tự trường học; kỹ năng xử lý các tình huống có liên quan tới việc phát sinh bạo lực học đường; Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 04/04/2023 về thực hiện Dự án "Tăng cường năng lực phòng, chống ma túy trong trường học đến năm 2025"; Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 04/8/2023 về thực hiện Dự án "Phòng ngừa tội phạm và phòng, chống vi phạm pháp luật cho HSSV đến năm 2025.

ninh trong giáo dục ý thức, trách nhiệm công dân, tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào, tự tôn dân tộc.

Chỉ đạo các CSGD phối hợp chặt chẽ với ngành y tế và các cơ quan chức năng tại địa phương chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả thiên tai, dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm; tăng cường bảo đảm an toàn trường học, phòng, chống tai nạn thương tích; bảo đảm các điều kiện ăn, ở, sinh hoạt và học tập cho trẻ em, học sinh nội trú, bán trú. Kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống y tế trường học. Tiếp tục triển khai hiệu quả Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình Sức khoẻ học đường giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình "Y tế trường học trong các cơ sở GDMN, phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025" của Chính phủ; tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thể thao HSSV gắn kết với nội dung môn học giáo dục thể chất thuộc Chương trình GDPT năm 2018.

h) Nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực gắn với nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo

Tiếp tục triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình "Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022 - 2030" theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên Trường Cao đẳng Lạng Sơn. Khuyến khích mở rộng và đẩy mạnh các quan hệ hợp tác về đào tạo, nghiên cứu với các trường chất lượng cao ở trong nước và nước ngoài. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học; tăng cường ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn, nâng cao chất lượng đào tạo gắn với kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển khoa học giáo dục. Đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp trong nghiên cứu khoa học; thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng giáo dục, quản lý văn bằng chứng chỉ.

i) Hội nhập quốc tế trong giáo dục

Tăng cường các hoạt động hội nhập quốc tế giữa các CSGD trên địa bàn tỉnh với các cơ sở đào tạo nước ngoài thông qua việc thực hiện các chương trình, thỏa thuận đã ký kết, trao đổi HSSV, giáo viên/giảng viên, trao đổi kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Chủ động mở rộng hợp tác song phương, đa phương; thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của nước ngoài cho GDĐT. Triển khai có hiệu quả các đề án, chương trình học bổng đào tạo nguồn nhân lực ở nước ngoài có sử dụng NSNN, học bổng do nước ngoài đài thọ. Đẩy mạnh công tác quản lý công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật. Tích cực tham gia các chương trình đánh giá chất lượng giáo dục quốc gia, quốc tế theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Đẩy mạnh quản lý các chương trình liên kết giáo dục ở các cấp học và trình độ đào tạo, các cơ sở GDĐT và các tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trên địa bàn tỉnh.

k) Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính trong ngành GDĐT

Tăng cường triển khai thực hiện hiệu quả việc chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về GDĐT trên địa bàn tỉnh; tăng cường các điều kiện đảm bảo về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025"; Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 08/4/2022[41] và Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 24/4/2022 của UBND tỉnh[42]. Tiếp tục xây dựng kho học liệu số chia sẻ dùng chung toàn ngành; triển khai hiệu quả dự án "Xây dựng hệ thống hỗ trợ thu thập, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu ngành và trung tâm điều hành giáo dục tỉnh Lạng Sơn", kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu của tỉnh, quốc gia; ứng dụng hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về GDĐT. Tiếp tục triển khai thực hiện học bạ số cấp tiểu học, trung học.

l) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực GDĐT

Tăng cường thanh tra, kiểm tra các nội dung quản lý nhà nước về GDĐT theo thẩm quyền, bảo đảm yêu cầu, hiệu lực, hiệu quả, nhằm xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Tập trung thanh tra, kiểm tra trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục của các cấp; trách nhiệm quản lý của người đứng đầu CSGD; thực hiện nhiệm vụ năm học và việc triển khai Chương trình GDPT 2018; các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và trách nhiệm giải trình xã hội của các CSGD; việc lựa chọn và sử dụng sách giáo khoa, tài liệu tham khảo; kiểm tra các trung tâm ngoại ngữ, tin học; kiểm tra hoạt động dạy thêm, học thêm; kiểm tra, đánh giá hiệu quả đầu tư, sử dụng cơ sở vật chất, trang TBDH tại các CSGD; kiểm tra hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khoá; hoạt động liên kết đào tạo, phối hợp dạy học văn hoá với dạy nghề trong các cơ sở giáo dục thường xuyên; việc quản lý, thu và sử dụng các khoản thu ngoài ngân sách; quy định về công khai, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

m) Tăng cường công tác truyền thông giáo dục; tiếp tục thực hiện các cuộc vận động, phong trào thi đua

Chủ động thông tin, truyền thông về các chủ trương, chính sách mới của ngành; các chủ trương, chính sách của Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT; các hoạt động và các sự kiện lớn của ngành như: kỷ niệm 80 năm xây dựng và phát triển của ngành Giáo dục, Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025, tổng kết đánh giá việc triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa GDPT; ....Tăng cường phối hợp, xử lý hiệu quả các vấn đề về truyền thông, nhất là các vấn đề xã hội quan tâm, bức xúc, để Nhân dân hiểu, chia sẻ, ủng hộ và đóng góp nhiều hơn cho ngành.

---

[41] về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030

[42] về thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, CSGD và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025

Tổ chức sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua do Trung ương, tỉnh phát động và phong trào thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập" của ngành Giáo dục giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh. Tổ chức Đại hội thi đua yêu nước ngành Giáo dục và các hoạt động kỷ niệm 80 năm truyền thống ngành Giáo dục. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua: "Cả nước xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023 - 2030"; "Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau" giai đoạn 2021 - 2025; xây dựng "Trường học hạnh phúc". Kịp thời khen thưởng nhằm động viên, thu hút, khuyến khích cá nhân, tập thể phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, đổi mới, năng động, sáng tạo vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đẩy mạnh phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng, tôn vinh các mô hình hay, những điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong toàn ngành.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PTKTXH NĂM 2026 THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về Chương trình hành động triển khai thực hiện Chiến lược phát triển KTXH 2021-2030 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2021-2025 đối với lĩnh vực GDĐT; Nghị quyết của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 - 2025.

- Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển GDĐT.

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển KTXH và dự toán NSNN năm 2026; các quy định pháp luật hiện hành và văn bản hướng dẫn.

- Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2026 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026-2028.

- Tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch phát triển KTXH và kế hoạch phát triển GDĐT của địa phương năm 2025; điều kiện thực tế và khả năng nguồn lực của địa phương để thực hiện.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp phát triển KTXH thuộc lĩnh vực giáo dục năm 2026

Năm 2026 là năm diễn ra Đại hội lần thứ XIV của Đảng, tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp, cũng là năm đầu tiên triển khai Kế hoạch PTKTXH 5 năm 2026-2030, bước vào kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc, tăng trưởng hai con số ngay từ năm 2026. Với tinh thần không ngừng đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, phát huy ý trí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên, chung sức, đồng lòng biến mọi khó khăn, thách thức thành cơ hội bứt phá, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt

để tăng trưởng cả nước năm 2026 đạt hai con số và hoàn thành các mục tiêu đề ra, tạo đà thực hiện thắng lợi Kế hoạch PTKTXH 5 năm 2026 - 2030; Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2026 - 2030 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch PTKTXH 5 năm 2026 - 2030 thuộc lĩnh vực giáo dục; Nghị quyết Đại hội XIV và các nghị quyết khác của Đảng về GDĐT, ngành Giáo dục tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng kế hoạch PTKTXH, dự toán NSNN năm 2026 và Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026 - 2028.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả đổi mới căn bản, toàn diện, đột phá phát triển GDĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; tập trung đầu tư thỏa đáng để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, chip và chất bán dẫn gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa đổi mới sáng tạo khởi nghiệp; đổi mới công tác quản lý GDĐT và quản trị nhà trường theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học; hoàn thiện hệ thống giáo dục theo định hướng mở, linh hoạt, liên thông, tạo cơ hội học tập suốt đời cho mọi công dân và thực hiện đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động; phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên và CBQL cơ sở giáo dục bảo đảm đủ số lượng và nâng cao về chất lượng, khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, nhất là tại địa bàn vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS và miền núi; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đảm bảo điều kiện tối thiểu và hiện đại hóa, nâng cao chất lượng GDĐT, trong đó tập trung đầu tư hiện đại hóa giáo dục đại học, góp phần thực hiện đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; đẩy mạnh hội nhập quốc tế, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số;... Phát triển GDNN và đặc biệt là kỹ năng nghề; đẩy nhanh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh hiện đại hóa cơ sở vật chất và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo. Triển khai hiệu quả Chương trình quốc gia về tăng năng suất lao động. Đẩy mạnh việc thu hút sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong lĩnh vực GDNN.

3. Yêu cầu đối với xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026, giai đoạn 2026 - 2030 thuộc lĩnh vực giáo dục

Năm 2026 là năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2026-2030, trên cơ sở kết quả đã đạt được trong thực hiện Kế hoạch năm 2025 và các năm trước; Kế hoạch phát triển GDĐT và dạy nghề năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 được xây dựng phù hợp, bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; phù hợp với Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2045 và phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của địa phương.

B. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2026, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 3 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2028

1. Đánh giá việc thực hiện dự toán NSNN năm 2025

1.1. Đánh giá tình hình phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi thường xuyên 6 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2025 lĩnh vực giáo dục

Căn cứ các văn bản của Trung ương, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022. Thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật NSNN và Nghị quyết của Quốc hội, do đó việc phân bổ ngân sách cho giáo dục giai đoạn 2021-2025 cơ bản ổn định.

- Nguồn NSNN chi cho GDĐT từng cấp học GDMN, tiểu học, THCS, THPT và cao đẳng *(đánh giá số thực hiện 2021 -2025: 18.779.528 triệu*). Năm 2025 nguồn NSNN phân bổ cho lĩnh vực GDĐT và dạy nghề là 4.428.080 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2.213.000 triệu đồng, ước thực hiện cả năm đạt 100% kế hoạch.

- Tỷ trọng chi ngân sách chi GDĐT trên tổng chi ngân sách của địa phương (*số thực hiện các năm 2021: 24,25%, 2022: 24,5%, 2023: 25,5% và ước thực hiện 2024 là 25,8%).*

1.2. Đánh giá kết quả thực hiện các chính sách của Nhà nước và các chính sách đặc thù của bộ, ngành đối với HSSV; chính sách đối với giảng viên; chính sách đối với cơ sở GDĐT

- Công tác triển khai, thực hiện các chế độ chính sách: chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách theo quy định[43]

- Về kết quả thực hiện các chương trình, dự án, đề án

+ Đề án Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025[44]: Năm 2023 bố trí kinh phí 930 triệu đồng để thực hiện tổ chức các lớp tập huấn cho GV, tổ chức ngày hội ngoại ngữ cấp tỉnh cho HS và thực hiện một số nội dung tuyên truyền, hợp tác quốc tế, năm 2025 bố trí kinh phí 2.500 triệu đồng để thực hiện tổ chức các lớp tập huấn cho GV, tổ chức ngày hội ngoại

---

[43] Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển GDMN[43]; thực hiện chế độ tài chính đối với HS DTNT theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT; chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với SV là người DTTS theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ HS khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học tại các CSGD theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; chính sách hỗ trợ cho HS và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, HSSV DTTS rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/05/2017 của Chính phủ; chính sách dành cho người học theo chế độ cử tuyển theo Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với HSSV DTTS; và các chính sách đặc thù liên quan đến người học khác thuộc thẩm quyền ban hành của địa phương…. Trong đó, mức học bổng chính sách HS DTNT theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT; mức học bổng học sinh chế độ cử tuyển theo Nghị định số 141/2020/NĐ-CP được quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với SV sư phạm được địa phương quan tâm bố trí đảm bảo định mức theo quy định.

[44] được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017.

ngữ cấp tỉnh cho HS và thực hiện một số nội dung tuyên truyền, hợp tác quốc tế và đầu tư một số thiết bị trang bị phòng học ngoại ngữ cho các CSGD…

+ Thực hiện các Đề án "Đào tạo, bồi dưỡng NG&CBQLCSGD đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GDPT giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025 được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 732/QĐ-TTg (Đề án 732); Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và CBQL GDMN giai đoạn 2018-2025 được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 (QĐ 33/QĐ-TTg); UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 (Nay là Quyết định 1918/QĐ-UBND ngày 02/12/2022) phê duyệt Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, CBQL GDMN, phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDPT và thực hiện Luật Giáo dục giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, tỉnh đã bố trí nguồn kinh phí thực hiện Đề án năm 2022: 7.797 triệu đồng, năm 2024: 5.811 triệu đồng và năm 2025: 5.811 triệu đồng.

+ Thực hiện Đề án bảo đảm CSVC cho chương trình GDMN và GDPT giai đoạn 2017-2025 được Chính phủ ban hành tại Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 (Đề án 1436), tỉnh Lạng Sơn đã có Báo cáo số 153/BC-UBND ngày 23/4/2023 về kết quả rà soát và đề xuất nhu cầu đầu tư CSVC cho giáo dục giai đoạn 2021 - 2025, kết quả năm 2022 đã đầu tư mua sắm được 5.240 bộ bàn ghế HS, GV với tổng kinh phí trên 6,4 tỷ đồng, năm 2023 trên 11,3 tỷ đồng. Năm 2024 mua sắm THDHTT lớp 7 trên 33.303 triệu đồng, TBDHTT lớp 10 trên 33.262 triệu đồng, mua sắm máy vi tính (bổ sung hoặc thay thế những bộ đã hỏng cho các phòng tin học) 4.152 triệu đồng và mua sắm thiết bị PHBM 23.830 triệu đồng.

+ Đề án "Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng GDĐT giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025" được Chính phủ ban hành tại Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 (Đề án 117); kết quả năm 2022 đã đầu tư mua sắm được 115 phòng tin học cho các cấp học trên địa bàn tỉnh với tổng kinh phí trên 37 tỷ đồng.

+ Căn cứ Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030 được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 (Đề án 1373), UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 205/KH-UBND ngày 18/10/2021 triển khai Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

+ Thực hiện Đề án phát triển GDMN giai đoạn 2018-2025 được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 (Đề án 1677), tỉnh Lạng Sơn đã ban hành kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 15/12/2019 với tổng kinh phí thực hiện Đề án dự kiến: 524.973 triệu đồng *(Năm trăm hai mươi tư tỷ, chín trăm bảy mươi ba triệu đồng)*, chia làm hai giai đoạn (Giai đoạn 1 (2018-2020): 248.150 triệu đồng; Giai đoạn 2 (2021- 2025): 276.823 triệu đồng).

+ Triển khai Đề án "Hỗ trợ HSSV khởi nghiệp đến năm 2025" theo Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ (Đề án 1665), UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 26/6/2019.

+ Các nhiệm vụ thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN như triển khai chương trình, SGK giáo dục phổ thông mới; đào tạo, bồi dưỡng GV, cán bộ QLGD. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 63-NQ/TU ngày 29/12/2021 về tiếp tục đổi mới căn bản, phát triển toàn diện GDĐT trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Tỉnh ủy Lạng Sơn đã tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, tại hội nghị tổng kết đã đánh giá, làm rõ mức độ đạt, chưa đạt các chỉ tiêu/mục tiêu nội dung nhiệm vụ.

2. Xây dựng dự toán NSNN năm 2026 và Kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2026-2028

2.1. Dự toán NSNN năm 2026

2.1.1. Xây dựng dự toán thu

Thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch PTKTXH và dự toán NSNN năm 2026, Kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2026-2028, kế hoạch tài chính 5 năm 2026-2030; hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 về hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2026, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026-2028.

Xây dựng dự toán thu học phí xác định căn cứ theo quy mô và mức học phí quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

2.1.2. Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2026

a) Chi thường xuyên:

- Đối với chi thường xuyên: chi thường xuyên bao gồm chi thường xuyên cho các cơ sở, đơn vị sự nghiệp GDĐT; chi các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ đặc thù cho giáo dục; chi chuyên môn; chi đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ triển khai Chương trình GDPT mới; chi thực hiện chính sách cho người học[45] và kinh phí thực hiện đổi mới Chương trình GDPT 2018, trong đó có việc bố trí từ nguồn vốn chi thường xuyên để hỗ trợ mua sắm thiết bị, cải tạo CSVC phục vụ để triển khai Chương trình GDPT 2018. Đối với các chế độ chính sách chi cho sự nghiệp giáo dục mặc dù tỉnh còn có nhiều khó khăn nhưng hàng năm tỉnh đều cố gắng ưu tiên bố trí nguồn lực cho giáo dục, tuy nhiên công tác mua sắm trang TBDH gặp nhiều khó khăn do nhiều nguyên nhân: nguồn kinh phí hạn hẹn, công tác đấu thầu

[45] (chính sách miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; chi phí hỗ trợ đóng học phí, sinh hoạt phí theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP; chính sách phụ cấp thâm niên ngành giáo dục, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và CBQL giáo dục tại vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn; cần tính toán xác định nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách được cấp có thẩm quyền ban hành và có hiệu lực trong năm 2024, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán)

mất nhiều thời gian, đến thời điểm báo cáo còn TBDHTT các lớp 2, 4, 5, 8, 9, 11, 12 mới đang thực hiện mua sắm.

Đối với kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2020/NĐ-CP, nhìn chung tỉnh thực hiện đảm bảo quy định, tuy nhiên hiện nay chưa có cơ chế đặc thù dành riêng cho đối tượng sinh viên đào tạo theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP sau khi tốt nghiệp mà vẫn thực hiện theo quy định hiện hành về tuyển dụng, sử dụng viên chức. Như vậy sinh viên được đào tạo theo hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP vẫn phải trải qua kỳ thi tuyển dụng viên chức ngành giáo dục, theo đó, thí sinh có thể trúng tuyển hoặc không trúng tuyển, hoặc tham gia dự thi nhiều lần mà vẫn không trúng tuyển. Đề xuất Bộ GDĐT, Bộ Nội vụ tiếp tục nghiên cứu để có những định hướng, hướng dẫn chính sách tuyển dụng cho địa phương đối với các đối tượng này.

- Xây dựng dự toán chi chi các chương trình MTQG năm 2025 và các chương trình, dự án, đề án khác:

Xây dựng dự toán chi 03 chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 (Cấu phần giáo dục): Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; chương trình, dự án, đề án khác thuộc lĩnh vực GDĐT.

Thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh,[46] các Quyết định của UBND tỉnh: Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025; các Quyết định về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch vốn NSNN thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh hằng năm đảm bảo khớp đúng với nguồn kinh phí Trung ương giao và kinh phí đối ứng của địa phương.

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách miễn, hỗ trợ học phí cho học sinh mầm non, phổ thông trong hệ thống giáo dục quốc dân; chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh TH và THCS ở các xã biên giới; chính sách phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3-5 tuổi đã được tổng hợp.

b) Chi đầu tư phát triển:

Kế hoạch chi đầu tư phát triển năm 2026 xây dựng phải phục vụ mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển KTXH năm 2026, kế hoạch phát triển KTXH 5 năm giai đoạn 2021-2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và tình hình thực hiện năm 2024, ước thực hiện năm 2025 của địa phương. Các

[46] Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 11/3/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm để thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về việc phân bổ kế hoạch vốn NSNN thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2022; Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 27/9/2022 quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình MTQG, giữa các chương trình MTQG và các chương trình, dự án khác; cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

kết quả đầu tư công đạt được, như: năng lực tăng thêm theo ngành, lĩnh vực, nâng cao chất lượng dịch vụ công,…và những tác động tới việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 của các sở, ban, ngành và địa phương. Việc quản lý và sử dụng các dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng. Giai đoạn 2021-2025 (đến thời điểm báo cáo) đã hoàn thành đưa vào sử dụng 08 dự án do Sở GDĐT làm chủ đầu tư.

Năng lực sử dụng tăng thêm: 23 phòng học; 19 phòng học bộ môn, phòng chức năng; 23 phòng làm việc; 01 nhà đa năng; 42 phòng ở học sinh nội trú; 38 phòng ở học sinh bán trú, 08 phòng ở công vụ; 08 nhà bếp, 120 công trình (khu) vệ sinh…Sau khi hoàn thành thi công xây lắp chủ đầu tư đã đôn phối hợp với các bên liên quan tham ra thực hiện dự án hoàn thành thủ tục nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng và trình thẩm tra phê duyệt quyết toán công trình. Các công trình đưa vào sử dụng đều phát huy tốt hiệu quả sử dụng thực sự góp phần tích cực đảm bảo và nâng cao tất cả các hoạt động của trường học được đầu tư.

Đề xuất nhu cầu đầu tư giai đoạn 2026-2030: Đầu tư bổ sung đảm bảo đủ điều kiện về CSVC để công nhận lại trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2027, đảm bảo đủ điều kiện để tổ chức dạy học theo các chương trình đào tạo của chương trình GDPT 2018. Tiếp tục thực hiện nội dung chỉ đạo tại Công điện số 26/CĐ-TTg ngày 10/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tập trung kiểm tra, rà soát và đầu tư xây dựng trường học, cơ sở y tế tại các khu đô thị, khu nhà ở, khu dân cư, khu công nghiệp và nhà vệ sinh công cộng tại trường học, đô thị; Công văn số 364/UBND-KT ngày 04/4/2023 của UBND tỉnh về việc tổ chức triển khai thực hiện Công điện số 26/CĐ-TTg ngày 10/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Phù hợp với chủ trương đã được HĐND tỉnh khuyến nghị thực hiện tại Văn bản số 1178/BC-HĐND-VHXH ngày 16/10/2024; Công văn 6327/VP-KT ngày 14/11/2024; Thông báo số 237/TB-UBND ngày 14/5/2025.

- Về quy hoạch tỉnh, chủ trương thực hiện: thể hiện tại thuyết minh Quy hoạch tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Phát triển quy mô, mạng lưới trường THPT, trường phổ thông dân tộc nội trú (THCS và THPT) để đảm bảo nhu cầu của các địa phương.[47]

- Về quy hoạch chuyên ngành khác:

Phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất theo Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 01/6/2022. Phù hợp với các đồ án quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (các Quyết định số: 403/QĐ-UBND ngày 10/3/2022; 1166/QĐ-UBND ngày 13/7/2022; 1840/QĐ-UBND ngày 11/9/2021; 1319/QĐ-UBND ngày 13/9/2022; 398/QĐ-UBND ngày 27/01/2021; 1297/QĐ-UBND ngày 04/7/2012; 325/QĐ-UBND ngày 22/02/2022; 223/QĐ-UBND ngày 28/01/2022; 1123/QĐ-UBND ngày 21/7/2023; 1556/QĐ-UBND ngày 13/8/2020; 1578/QĐ-

[47] trang 22 Quyết định 236/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tỉnh). Mục thứ tự số 70 trang số 8 Phụ lục số II kèm theo Kế hoạch số 268/KH-UBND ngày 19/12/2024 của UBND tỉnh.

UBND ngày 11/9/2015) tại các khu vực đô thị trước đây là thành phố, thị trấn nay là các xã, phường.

Phù hợp với chiến lược phát triển của ngành giáo dục trong quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng phê duyệt (Phát triển quy mô, mạng lưới trường THPT, trường phổ thông dân tộc nội trú (THCS và THPT) để đảm bảo nhu cầu của các địa phương (trang 22 Quyết định 236/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tỉnh).

- Hiệu quả phát triển KTXH: Đảm bảo điều kiện về CSVC phục vụ hoạt động dạy và học cho giáo viên và học sinh nhà trường; góp phần thúc đẩy phát triển KTXH của địa phương.

c) Xây dựng dự toán chi các chương trình MTQG năm 2026 và các chương trình, dự án, đề án khác lĩnh vực giáo dục

Căn cứ các văn bản của trung ương về thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, HĐND tỉnh đã ban hành các Nghị quyết quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ, cơ chế lồng ghép các nguồn vốn, quy định phân cấp quyết định phân bổ, điều chỉnh …; UBND tỉnh ban hành các Quyết định về giao chỉ tiêu kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 và hàng năm đảm bảo khớp đúng với dự toán cấp trên giao. Giai đoạn 2026-2030 đề xuất được bố trí vốn đảm bảo với đề xuất của ngành.

Thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về ban hành Đề án đầu tư, xây dựng CSVC, trang TBDH cho trường mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2022-2025, với tổng kinh phí thực hiện đề án 2.095.431 triệu đồng, trong đó: Kinh phí đầu tư xây dựng CSVC là: 1.577.467,0 triệu đồng và kinh phí đầu tư trang TBDH là: 517.964,3 triệu đồng.

2.2. Lập Kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2026-2028

Thực hiện đúng quy định tại Luật NSNN, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm và Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm, các Luật về thuế, quản lý thuế, Luật phí, lệ phí, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, Luật quản lý tài sản công, các văn bản pháp luật có liên quan; Chiến lược PTKTXH 10 năm 2021-2030, các kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030.

Đảm bảo ưu tiên bố trí đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đã được ban hành và cam kết chi (bao gồm cả chính sách đặc thù do HĐND cấp tỉnh quyết định); xác định nhu cầu bổ sung có mục tiêu từ NSTW đối với các chế độ, chính sách của trung ương cho từng năm của giai đoạn 2026-2028. Bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành, kinh phí thực hiện đổi mới chương trình GDPT 2018: 5.492.570 triệu đồng.

Tính toán xác định tổng nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền ban

hành/kết thúc từng năm của giai đoạn 2026-2028 kèm theo thuyết minh cụ thể, căn cứ tính toán[48]. Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách miễn, hỗ trợ học phí cho học sinh mầm non, phổ thông trong hệ thống giáo dục quốc dân; chi hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em[49];

2.2.1. Lập kế hoạch thu NSNN 03 năm 2026-2028

Đối với khoản thu học phí, lệ phí và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát theo quy định. Báo cáo thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

2.2.2. Lập kế hoạch chi NSNN 03 năm 2026-2028

Lập tổng nhu cầu kinh phí chi NSNN lĩnh vực giáo dục, trong đó chi tiết kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền ban hành/kết thúc từng năm của giai đoạn 2026-2028 (kết thúc các CTMTQG, các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025), kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

Đã đảm bảo ưu tiên bố trí đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đã được ban hành và cam kết chi (bao gồm cả chính sách đặc thù do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định); xác định nhu cầu bổ sung có mục tiêu từ NSTW đối với các chế độ, chính sách của trung ương cho từng năm của giai đoạn 2026-2028. Bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành, kinh phí thực hiện đổi mới chương trình GDPT 2018.

(Chi tiết tại các Phụ lục và Biểu mẫu kèm theo).

3. Kiến nghị và đề xuất

Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Tiếp tục quan tâm, bố trí nguồn kinh phí xây dựng trường, lớp học và đảm bảo TBDH thực hiện chương trình GDPT và SGK mới; hỗ trợ giáo dục dân tộc; củng cố và phát triển hệ thống các trường nội trú, bán trú, các CTMT lĩnh vực GDĐT.

- Sớm ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong lĩnh vực GDĐT; xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng chung trong lĩnh vực GDĐT theo phân cấp quản lý.

- Để việc xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, định kỳ hằng năm vào khoảng thời gian đầu quý hai, Bộ nghiên cứu xem xét ban hành văn bản hướng dẫn địa phương xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH và dự toán NSNN hằng năm, Kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm thuộc lĩnh vực GDĐT và

---

[48] Yêu cầu tại khoản 3 Điều 26 Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng DTNSNN năm 2025, kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2026-2028.

[49] Yêu cầu tại mục b Điều 6 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng DTNSNN năm 2025, kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2026-2028.

GDNN để địa phương có thời gian triển khai đến cơ sở và có thời gian rà soát, thẩm định lại các chỉ tiêu số liệu báo cáo từ cơ sở đảm bảo chất lượng.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: GDĐT, TC, NV;
- UBND các xã, phường;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng: KGVX, KTTH, TH, TT TT;
- Lưu: VT, KGVX (NTH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Dương Xuân Huyên